

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HSPT

Ngày: 27/3/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Minh Tự

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Ngừng

Ông Ngô Đề

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hiệp là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quốc Tổng, Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 35/2017/HSST, ngày 29 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu S.

Do có kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị Mỹ Th đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 83/2017/HSST, ngày 08/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

Bị cáo bị kháng cáo: Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1963; tên gọi khác: không; nơi ĐKKTT và chỗ ở: khóm A, phường B, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: Nữ; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1937 và bà Bùi Thị Ngọc Đ, sinh năm 1942; chồng Trương Minh H, sinh năm 1962; con 01 người sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam ngày 11/11/2016 đến ngày 11/5/2017 cho tại ngoại đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại có kháng cáo: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Th**, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Số 83D, khóm 1, phường 5, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh

- Người có nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông **Trương Minh H**, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: khóm 3, phường 6, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh;

- Người làm chứng:

1. Ông **Nguyễn Văn Ch**, sinh năm 1970; (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 5, phường 9, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh;

2. Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thanh Trì A, xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

3. Bà **Lý Mỹ L**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 7, phường 9, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh;

4. Bà **Huỳnh Thị Gi**, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 208, khóm 6, phường 6, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh;

5. Ông **Võ Thanh T**, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 3, phường 6, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh;

6. Bà **Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Khóm 1, phường 9, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh;

7. Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Số 477B, Khóm 3, phường 6, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn về tiền hụi trước đó, vào khoảng 12 giờ, ngày 07/3/2016 bị cáo Nguyễn Thị Thu S từ quầy bán thịt heo của mình đi đến quầy bán tạp hóa của bà Nguyễn Thị Mỹ Th, đều kinh doanh tại chợ phường 6, thành phố TV để thương lượng, giải quyết tiền hụi thì xảy ra mâu thuẫn, cự cãi lớn tiếng với nhau. Thấy không giải quyết được, nên bị cáo điện thoại cho chồng là ông Trương Minh H và nói “ anh ra đây liền đi, nó ăn nói ngang ngược quá nè”. Điện thoại xong, bị cáo nói với bà Th “mày ăn nói ngang ngược, bữa nay tao chém mày chết mẹ” nói xong bị cáo bỏ về quầy bán thịt heo của mình cách đó khoảng 40 mét.

Khi bị cáo bỏ đi, thì ông H đến quầy tạp hóa thấy bà Th ngồi trên băng ghế đá trước quầy mặt hơi hướng vào bên trong, ông H mới hỏi “Mày nói gì Th”, bà Th quay người lại đối diện với ông H, trên tay đang cầm cây kéo, nên ông H xông vào giữ chặt hai tay của bà Th tỳ đè xuống nhằm để giựt lấy cây kéo nhưng không được, cả hai giằng co xoay vòng vòng và di chuyển dần vào bên trong nhà. Bị cáo S nghe mọi người trong chợ nói ông H đang đánh nhau với bà Th nên cầm cây dao mũi bằng dùng để chặt xương heo dài 49,5 cm (cán dao bằng gỗ dài 22 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 27,5cm, bề bằng nơi rộng nhất 8 cm) đi đến quầy bán tạp hóa của bà Th. Khi đến nơi bị cáo đứng bên ngoài và nói “bữa nay tao chém mày luôn nè” tay phải cầm cây dao chặt bằng bề sóng xuống bàn Inox trước quầy hai cái, sau đó bị cáo di chuyển vào bên trong đi đến vị trí của ông H và bà Th đang giằng co giựt lấy cây kéo, lúc này vị trí của ông H đang đứng bên hướng Nam, tư thế khom xuống đầu quay về hướng Đông – Bắc, mặt nhìn xuống nền nhà, vị trí bà Th đang đứng bên hướng Bắc, tư thế khom người, đầu quay về hướng Đông - Nam, mặt nhìn xuống nền nhà, còn bị cáo đi đến đứng phía sau lưng bên phải bà Th cầm dao bằng tay phải, vá nhiều cái vào đầu của bà Th và có một cái trúng vào vùng thái dương bên phải gây thương tích, sau đó bị cáo đem cây dao ra ngoài cất giấu cạnh đồng chổi bông cỏ phía trước quầy tạp hóa, rồi tiếp tục vào nắm tóc của bà Th giằng co di chuyển vào sâu bên trong nhà, làm cho bà Th té ngã trúng vào la bô nước làm cho vòi nước chảy ra. Sau đó bị cáo buôn bà Th để khóa vòi nước đang chảy và bỏ ra ngoài. Còn ông H và bà Th tiếp tục giằng co và di chuyển dần ra phía ngoài, đến vị trí ban đầu lúc mới xảy ra giằng co giựt lấy cây kéo. Lúc này ông Nguyễn Văn Chí (em ruột của bị cáo S) đến kêu bà Th, ông H buôn cây kéo ra thì ông H nói “ tao buôn ra nó đâm tao rồi sao”. Nghe vậy ông Chí giựt lấy cây kéo đưa ra phía sau cho ông Nguyễn Văn V, sau đó bị cáo và ông H bỏ đi về nhà. Bà Th được đưa đi cấp cứu điều trị tại Bệnh viện đa khoa Trà Vinh đến ngày 09/3/2016 thì xuất viện. Khi sự việc xảy ra bà Th bị mất 01 chiếc bông tay bằng

vàng 18 kra không xác định trọng lượng, hư hỏng 01 cái bàn Inox; 01 cái xô nhựa, 01 cái ki nhựa, 01 cái ly thủy tinh.

Tại bản kết luận giám định pháp y số: 47/TgT, ngày 12/4/2016, của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Trà Vinh, kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của bà Nguyễn Thị Mỹ Th đối với 05 vết thương bàn tay trái có tỷ lệ thương tật là 4%, 01 vết thương thái dương phải có tỷ lệ thương tật là 8%. Cơ chế hình thành tổn thương do ngoại lực tác động trực tiếp, vật gây ra thương tích trên là vật cứng có cạnh sắc.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 83/2017/HSST, ngày 08/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố TV đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thu S phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 104, điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu S 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11-11-2016. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 288, Điều 585, Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự. Điều 42 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu S cùng ông Trương Minh H bồi thường cho bà Nguyễn Thị Mỹ Th số tiền 16.779.748 đồng (Mười sáu triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn bảy trăm bốn mươi tám đồng). Căn trừ số tiền 13.000.000 đồng bị cáo và gia đình đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố TV, bị cáo cùng ông H tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 3.779.748 đồng (Ba triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn bảy trăm bốn mươi tám đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, về án phí và dành quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 16 tháng 11 năm 2017, bị hại bà Nguyễn Thị Mỹ Th kháng cáo yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Trương Minh H, tăng mức hình phạt tù đối với bị cáo và tăng mức bồi thường thiệt hại lên 46.855.408 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị Thu S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đúng như bản án sơ thẩm đã nêu, bị cáo thống nhất quyết định của án sơ thẩm không có kháng cáo, bị cáo không đồng ý tăng mức trách nhiệm bồi thường theo yêu cầu của bà Th. Bị hại bà Nguyễn Thị Mỹ Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo là yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Trương Minh H, tăng mức hình phạt tù đối với bị cáo và tăng mức bồi thường thiệt hại lên 46.855.408 đồng. Ông Trương Minh H trình bày vào ngày xảy ra vụ việc ông đang giằng co với bà Th, bị cáo S đi vào lúc nào ông không biết, ông cũng không có kêu bị cáo S chém bà Th, việc bà Th bị thương tích nằm ngoài ý muốn của ông.

Quan điểm của Vị Kiểm sát viên: Qua lời trình bày và tranh luận tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thống nhất quyết định của án sơ thẩm không có kháng cáo. Đối với kháng cáo của bị hại bà Nguyễn Thị Mỹ Th yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Trương Minh H, tăng mức hình phạt tù đối với bị cáo và tăng mức bồi thường thiệt hại lên 46.855.408 đồng là không có căn cứ. Bồi lẽ việc bị cáo S chém bà Th vào vùng thái dương ông H không biết và ông H cũng không có kêu bị cáo chém, việc bị cáo

S chém bà Th là nằm ngoài ý muốn của ông H, còn các vết thương tại bàn tay của bà Th là hậu quả của việc giằng co giữa bà Th và ông H. Ông H không cố ý gây ra các thương tích này cho bà Th. Do đó không đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” đối với ông H. Tại phiên tòa hôm nay bà Th không cung cấp tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự mới đối với bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với tính chất của vụ án và hành vi của bị cáo, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo tăng mức hình phạt của bà Th. Việc bà Th kháng cáo yêu cầu bị cáo bồi thường tăng lên số tiền 46.655.408 đồng là không có căn cứ, Bởi lẽ Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định mức bồi thường đúng theo hóa đơn thuốc, viện phí, số ngày công lao động bị mất thực tế của người bệnh và người nuôi bệnh theo mức tiền mà bị hại đưa ra, mức bồi thường tổn thất tinh thần và tài sản bà Th bị thiệt là phù hợp quy định pháp luật. Do đó kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ Th không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1, Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bà Th, giữ nguyên án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mỹ Th là trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Xét kháng cáo của bị hại, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo S là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo gây tổn hại sức khỏe cho bà Th là đã xâm phạm đến sức khỏe con người được pháp luật hình sự bảo vệ, là làm ảnh hưởng đến trật tự địa phương. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, thật thà khai báo, bị cáo đã tích cực khắc phục thiệt hại cho bị hại số tiền 13.000.000đồng. Khi lượng hình Tòa án sơ thẩm cũng đã xem xét cân nhắc mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như bị cáo lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã cùng gia đình bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho bị hại, gia đình bị cáo có công với Cách mạng, có chồng Trương Minh H và anh ruột Nguyễn Văn V là thương binh được Nhà nước tặng thưởng huân huy chương kháng chiến, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Do đó mức hình phạt 06 tháng tù cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe cho các hành vi tương tự. Tại phiên tòa hôm nay bà Th không cung cấp được tình tiết tăng nặng nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo tăng mức hình phạt đối với bị cáo S

[3] Về kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường lên 46.655.408 đồng (bốn mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm lẻ tám đồng). Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bà Th nhập viện từ ngày 07/3/2016 và ra viện ngày 09/3/2016, theo giấy xuất viện ngày 09/3/2016 bác sĩ điều trị có dặn bà Th phải uống thuốc theo toa và tái khám, theo đơn thuốc là bà Th phải uống thuốc thêm 05 ngày. Do đó bà Th xuất viện vào ngày 09/3/2016 nhưng vẫn cần thời gian tịnh

đường đến 05 ngày sau để tái khám là nhằm ngày 14/3/2016, sau thời gian tái khám bà Th không cung cấp cho Tòa án được toa thuốc nào của Bác sĩ chỉ định bà Th phải tái khám hay tiếp tục điều trị. Nên theo quy định tại Nghị quyết 03/62006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2016 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì từ ngày 07/3/2016 đến ngày 14/3/2016 là khoản thời gian bà Th phải điều trị vết thương theo chỉ định của Bác sĩ tổng cộng là 08 ngày, mỗi ngày bà Th thu nhập từ 300.000đồng đến 500.000đồng, nên lấy trung bình mỗi ngày làm việc của bà Th là 400.000đồng x 08 ngày = **3.200.000đồng**. Trong khoản thời gian bà Th nằm viện điều trị cần có người chăm sóc là 03 ngày, sau khi xuất viện bà Th không thuộc trường hợp không còn khả năng lao động, do đó bà Th không thuộc trường hợp cần có người chăm sóc sau khi xuất viện, nên thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc cho bà Th là 3 ngày, mỗi ngày theo bà Th trình bày chồng bà buôn bán 400.000đồng x 03 ngày = **1.200.000đồng**. Các khoản chi phí cho việc ăn uống của người bệnh và người nuôi bệnh đã được tính vào ngày công lao động nên không xem xét các khoản chi này, sau ngày 14/3/2016 bà Th không có lời dặn của Bác sĩ phải tiếp tục điều trị tại nhà hay tái khám nên khoản thời gian sau ngày 14/3/2016 không được tính vào thời gian mất thu nhập của bà Th. Về cho phí điều trị thực tế bà Th có mua thuốc uống cho việc điều trị vết thương là có thực nên khoản tiền **1.997.408đồng** (một triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm lẻ tám nghìn đồng) theo hóa đơn bà Th cung cấp được Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo quy định Điều 609 Bộ luật dân sự năm 2005 người xâm phạm sức khỏe còn phải bồi thường cho người bị xâm phạm một khoản tiền để bù đắp tổn thất tinh thần. Trong vụ án này bà Th bị bị cáo S tổn hại sức khỏe là 08% với lỗi cố ý, ngoài ra bà Th còn bị ông H trong lúc giằng co với bà đã gây thương tích cho bà với tỉ lệ thương tật là 04% tỷ lệ thương tích này do sự giành giật cây kéo làm đứt tay bà Th, nên ông H không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Cố ý gây thương tích”, nhưng theo quy định tại Nghị quyết 03/62006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì ông H cũng phải liên đới cùng bị cáo S bồi thường thiệt hại cho bà Th. Tòa án cấp sơ thẩm khi xem xét về bồi thường tổn thất tinh thần cho bà Th chỉ căn nhắc trên tỷ lệ thương tật 08%, không xem xét đến tỉ lệ thương tật 04% là chưa chính xác. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm cần xem xét tổng thể thương tích của bà Th là 12%, bà Th bị thương tại vùng đầu khả năng ảnh hưởng đến sức khỏe sẽ cao hơn những vùng khác, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho bà Th là 10 tháng lương cơ bản là **13.000.000đồng** (mười ba triệu đồng). Đối với chiếc bông tay trị giá 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng), giá trị 01 cái bàn, 01 cái ky, 01 cái ly, 01 cái rổ trị giá 1.782.000đồng (một triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng) là tài sản của bà Th bị thiệt hại do bị cáo S và ông H gây ra, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Tổng cộng bị cáo Nguyễn Thị Thu S và ông Trương Minh H phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị Mỹ Th là **21.179.408đồng** (hai mươi một triệu một trăm bảy mươi chín nghìn đồng bốn trăm lẻ tám đồng), bị cáo S và ông Trương Minh H đồng ý bồi thường số tiền trên cho bà Nguyễn Thị Mỹ Th.

[4] Việc bà Th cho rằng ông Trương Minh H là đồng phạm phạm tội “Cố ý gây thương tích” với bị cáo S là không có căn cứ. Mặc dù trong các lời khai của bị cáo S có trình bày việc bị cáo chém bà Th là có phần tác động của ông H, tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo S có thay đổi lời khai, bị cáo khai chỉ có một mình bị cáo chém bà Th, ông H không biết cũng như không có kêu bà chém bà Th. Bị cáo trình bày việc bị cáo thay đổi lời khai là do trước đây bị cáo khai không đúng, bị cáo muốn nhẹ tội nên khai ông H có kêu bị cáo chém bà Th, nhưng thực tế ông H không có kêu, mặc khác ông H không thừa nhận có kêu bị cáo S chém bà Th. Lời khai của bị cáo và ông H là hoàn toàn phù hợp với lời khai của người làm chứng bà Nguyễn Thị Ngọc L, bà Huỳnh Thị Gi là người trực tiếp chứng kiến vụ việc xảy ra có khai “Tôi hoàn toàn không nghe ông H kêu bà S cầm dao chém bà Th” (BL 116, 117, 124, 125), tiếp theo bà Nguyễn Ngọc L, bà Lý Mỹ L cũng khai là nghe bà Th la lên “Ông H hiếp dâm tôi” (BL 108, 109, 125, 125). Bà L là người chứng kiến vụ việc thì không có lý nào chỉ nghe bà Th nói chuyện mà không nghe ông H nói, quầy bán quần áo của bà L chỉ cách quầy bán đồ của bà Th khoảng 04mét cũng chỉ nghe bà Th là lên với nội dung trên, bà Gi cũng bán quần áo gần đó là người chứng kiến cũng không nghe ông H nói gì. Từ các lời khai của bà Gi, bà L, bà L Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy có đủ căn cứ chứng minh ông H không có kêu bị cáo S chém bà Th, lời khai của bị cáo S trước đây về ông H có kêu bị cáo chém bà Th là lúc tinh thần bà không ổn định, cũng trong thời gian này bị cáo cũng có nhiều lời khai không đúng. Từ các phân tích có đủ căn cứ chứng minh việc bị cáo S gây thương tích cho bà Th không có sự tác động từ ông H, do đó không thỏa mãn yêu cầu đồng phạm, vì không có sự thống nhất nhau về ý chí của bị cáo với ông H là gây thương tích cho bà Th. Việc ông H gây thương tích bàn tay trái cho bà Th là do sự giằng co giữa hai bên, đây là lỗi vô ý từ phía hai bên, ông H không cố ý, nên cũng không thỏa mãn yếu tố cấu thành tội ‘Cố ý gây thương tích’. Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Th.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên có một phần phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Riêng về phần trách nhiệm dân sự có phần không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét nên không được chấp nhận

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ Th không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm, không có kháng cáo, không bị kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị Mỹ Th.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 83/2017/HSST, ngày 08/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thu S phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 104, điểm b, h, p khoản 1,2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu S 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11-11-2016. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 604, 605, 606, 608, 609, 616 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 03/62006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2016 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của bộ luật dân sự năm 2005 về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu S cùng ông Trương Minh H bồi thường cho bà Nguyễn Thị Mỹ Th số tiền **21.179.408** đồng (hai mươi một triệu một trăm bảy mươi chín nghìn đồng bốn trăm lẻ tám đồng).

Giao cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố TV tiếp tục quản lý số tiền 13.000.000 đồng của bị cáo và gia đình nộp để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu S phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo S và ông Trương Minh H phải nộp 1.058.970 đồng (một triệu không trăm năm mươi tám nghìn chín trăm bảy mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Mỹ Th không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND tp. Trà Vinh;
- VKSND tp. Trà Vinh;
- CA tp. Trà Vinh;
- CC THADS tp. Trà Vinh;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Minh Tự

